TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 517/2024/DS-PT
Ngày: 28-10- 2024
V/v Hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Thanh Bạch** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2024/TLPT-DS ngày 01tháng 10 năm 2024 về tranh chấp *"Hợp đồng mua bán tài sản"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 148/2024/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 462/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Võ Thị Hồng H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: E Đ, khu phố A, phường D, thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: E Đ, khu Phố F, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trịnh Văn H1, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ hiện nay: số B, đường V, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2024)

- *Bị đơn:*

1. Trần Thanh T, sinh năm 1978 (Có mặt).

2. Phan Thị Trong E (Phan Thị T1), sinh năm 1979 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trịnh Văn H1, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: Số E, Đ, Khu phố A, Phường D, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay : số B, đường V , phường A,thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo: Bị đơn Trần Thanh T, Phan Thị Trong E.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H trình bày: Đại lý Hưởng Sang của vợ chồng bà và ông H1 có bán thức ăn thủy sản cho anh T và chị Trong E (Trắng). Khi thực hiện việc mua bán, hai bên thỏa thuận cuối vụ tôm anh T và chị T2 Em sẽ trả tiền cho bà. Vào ngày 14/9/2021 hai bên tiến hành đối chiếu công nợ thì anh T và chị Trong E còn nợ vợ, chồng bà số tiền là 508.740.000 đồng hứa đến 01/4/2024 trả, nhưng đến nay không trả.

Nay bà yêu cầu anh T và chị T2 Em trả cho vợ chồng bà số tiền nợ thức ăn thủy sản là 508.740.000 đồng và lãi chậm trả tính từ ngày 14/9/2021 đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất pháp luật quy định, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Trần Thanh T trình bày: Anh và chị Phan Thị Trong E (còn gọi là Phan Thị T1) là vợ chồng, có mua thức ăn thủy sản của cửa hàng Hưởng Sang do bà H, ông H1 làm chủ từ nhiều năm nay. Anh thừa nhận, vợ, chồng anh có làm biên nhận nợ với số nợ là 508.740.000 đồng từ năm 2021 đến nay chưa trả được khoản nào. Tại phiên tòa anh thống nhất vợ chồng anh còn nợ bà H, ông H1 số tiền mua thức ăn thủy sản là 508.740.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần mỗi năm trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, anh xin không trả tiền lãi.

Bị đơn chị Phan Thị Trong E (Phan Thị T1) đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng chị không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn H1 trình bày: Ông H1 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của vợ là bà H, yêu cầu anh T và chị T2 Em (T1) trả số tiền mua bán thức ăn thủy sản 508.740.000 đồng và lãi chậm trả theo mức lãi suất pháp luật quy định, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 148/2024/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tóa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang áp dụng các Điều 430, 440,

357, 468 Bộ luật dân sự; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng H.

Buộc anh Trần Thanh T và chị Phan Thị Trong E (Phan Thị T1) có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Hồng H, ông Trịnh Văn H1 số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ gốc là 508.740.000 đồng *(Năm trăm lẻ tám triệu, bảy trăm bốn mươi ngàn đồng)* và tiền lãi chậm trả là 16.890.000 đồng *(mười sáu triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng)*. Tổng cộng là 525.630.000 đồng *(Năm trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng)*. Thực hiện khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phài thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, bị đơn Trần Thanh T và Phan Thị T2 Em có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Xét xử lại vụ án theo hướng không đồng ý trả tiền lãi chậm trả của Đại lý H2 vì khi mua bán không nói về lãi suất chậm trả. Đồng ý trả tiền gốc dần.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng : Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Số tiền nợ mua bán bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu, nay xin trả dần là thiệt thòi quyền lợi của nguyên đơn, không được nguyên đơn đồng ý. Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*" là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Võ Thị Hồng H là Đ, vợ chồng bị đơn Trần Thanh T, Phan Thị T2 Em là người nuôi tôm. Vợ chồng bị đơn có mua thức ăn nuôi tôm của bà H nhiều lần còn nợ lại số tiền 508.740.000 đồng. Ngày 14/9/2021 hai bên đối chiếu công nợ thì vợ chồng ông T, bà E còn nợ bà H số tiền trên và thỏa thuận thời gian trả nợ chậm nhất là ngày 01/4/2024. Đến hạn thanh toán thì vợ chồng ông T - Bà E không trả tiền nên bà H khởi kiện. Tòa án sơ thẩm đã xét xử buộc vợ chồng ông T - Bà E phải trả số tiền 508.740.000 đồng cùng lãi phát sinh là 16.890.000 đồng, tổng cộng là 525.630.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Vợ chồng ông T, bà E kháng cáo xin trả dần mỗi năm 50.000.000 đồng và xin không trả lãi.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Thanh T và vợ Phan Thị T2 Em về việc xin trả dần tiền nợ mỗi năm 50.000.000 đồng và xin không tính lãi chậm trả. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Trước hết đối với số nợ 508.740.000 đồng do nguyên đơn khởi kiện, đã được bị đơn thừa nhận, phù hợp với bản đối chiếu công nợ ngày 14/9/2021 do các bên ký tên xác nhận nợ và hẹn ngày thanh toán. Nên xác định đây là sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Xét kháng cáo của bị đơn về việc xin trả dần mỗi năm 50.000.000 đồng và xin bỏ tiền lãi. Xét thấy, tại văn bản đối chiếu công nợ lập ngày 14/9/2021 thì nguyên đơn đã thỏa thuận cho bị đơn chậm trả nợ đến ngày 01/4/2024 là đã kéo dài thời gian và tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện là thiệt thòi quyền lợi của nguyên đơn . Đối với tiền lãi phát sinh là 16.890.000đồng, Tòa án sơ thẩm tính lãi chậm trả theo lãi suất 0,83%/ tháng và thời gian tính lãi từ ngày 01/4/2024 là có căn cứ đúng pháp luật, đồng thời phù hợp với thỏa thuận ngày 14/9/2021 với nội dung *"... Số tiền nợ nêu trên bên B phải thanh toán cho bên A chậm nhất vào ngày 01 tháng 04 năm 2024, nếu bên B cố tình trì hoãn kéo dài thời gian không thanh toán cho bên A thì bên B phải chịu mức lãi quất quá hạn do Ngân hàng N qui định trên mỗi tháng của tổng số tiền mà bên B còn nợ bên A..."*. Bị đơn kháng cáo cũng không cung cấp thêm chứng cứ để chứng minh. Do đó, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữa nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của bị đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 440, 357, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Thanh T và Phan Thị Trong E (Phan Thị T1). Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 148/2024/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang

2.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng H.

- Buộc anh Trần Thanh T và chị Phan Thị T2 Em (Phan Thị T1) có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Hồng H, ông Trịnh Văn H1 số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ gốc là 508.740.000 đồng *(Năm trăm lẻ tám triệu, bảy trăm bốn mươi ngàn đồng)* và tiền lãi chậm trả là 16.890.000đ *(Mười sáu triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng)*. Tổng cộng là 525.630.000đ *(Năm trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng)*. Thực hiện khi án có hiệu lực.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3.Về án phí :

- Ông Trần Thanh T và bà Phan Thị Trong E (Phan Thị T1) mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ông T nộp theo biên lai thu tiền số 0001812 ngày 14/8/2024 và số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do bà E nộp theo biên lai thu tiền số 0001811 ngày 14/8/2024, cả hai biên lai thu tiền của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông , tỉnh Tiền Giang xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Trần Thanh T và bà Phan Thị Trong E (Phan Thị T1) phải chịu

25.025.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được giảm 50% nên phải nộp 12.512.000đ đồng *(Mười hai triệu năm trăm mười hai ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Thị Hồng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 14.608.300 đồng *(Mười bốn triệu sáu trăm lẻ tám ngàn ba trăm đồng)* theo biên lai thu số 0001618 ngày 11/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Đạt